

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HSST

Ngày: 26/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Luật, bà Bùi Thị Quy.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyễn- Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức V, sinh năm 1996;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12

Bố đẻ: Ông Nguyễn Đức T; Mẹ đẻ: Bà Phạm Thị H

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên toà.

2. Đặng Ngọc S, sinh năm 1998;

ĐKNKTT và chỗ ở: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12

Bố đẻ: Ông Đặng Văn C; Mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị H

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY:

Nguyễn Đức V, Đặng Ngọc S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Đức V và Đặng Văn T, sinh năm 1998, trú tại: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương có quan hệ quen biết nhau từ trước. Khoảng 12 giờ ngày 6/5/2017, V và T ngồi uống nước tại cổng Công ty P ở thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Trong lúc ngồi uống nước T hỏi V “có ma túy bán không”, V nói “có, nếu ông mua thì cứ gọi điện cho tôi”, V cho T số điện thoại của mình. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T dùng điện thoại số thuê bao 0869307832 gọi vào điện thoại có số thuê bao 01667851144 của V, đặt vấn đề mua của V 01 gói ma túy đá với giá 500.000đ; V đồng ý, hẹn T đến tối cùng ngày sẽ bán ma túy cho T. Khoảng 18 giờ cùng ngày, V và Đặng Ngọc S ra quán nước ở khu vực cổng Trường THPT T ngồi uống nước. Tại đây, V bảo S đi cầm xe máy của S lấy 1.000.000đồng để mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. S đồng ý, V lấy điện thoại gọi cho Phạm Văn L, sinh năm 1990, trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương, đặt vấn đề cầm xe máy của S lấy 1.000.000đồng để mua ma túy đá của L, L đồng ý và hẹn V ra cổng làng Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương để giao dịch. Sau đó V đi xe máy Dream, BKS 99H1-01290, S đi xe máy Dream không có biển số đến cổng làng Đ thì gặp L. L đi cùng 1 người phụ nữ, V nói “xe đây” và dựng xe của S ở bên đường thì người phụ nữ đi cùng L đến lấy xe máy của S và đi, lúc đó L đưa cho S 05 gói ma túy tương đương với số tiền cầm xe là 1.000.000đồng. Sau khi mua được ma túy, S đưa cho V cầm và cả hai đi xe máy của V ra cánh đồng ở khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương sử dụng hết 02 gói ma túy, còn lại 03 gói V và S giấu ở rìa đường gần đó. V, S đi ra quán nước ngồi uống nước, khoảng 20 giờ cùng ngày T gọi điện thoại cho V đặt vấn đề mua 1 gói ma túy với giá 500.000đồng, V

đồng ý và hẹn đến cổng Công ty may P ở thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương để giao ma túy. Khoảng 21 giờ cùng ngày, V, S đi đến chỗ cất giấu lấy 01 gói ma túy đá, V gói vào trong tờ giấy màu vàng ở vỏ bao thuốc lá rồi đút vào túi, V đi xe máy chở S đến cổng Công ty P thì thấy T đang đợi ở đó. V lấy gói ma túy trong túi quần ra để ở rìa đường rồi đi ra chỗ T. S hỏi T “tiền đâu”, T lấy 500.000đồng đưa cho S và hỏi “đồ đâu”, S cầm tiền đưa cho V, V bảo T đi cùng và chỉ gói ma túy cho T nhặt, T nhặt gói ma túy đem về nhà cất giấu. Đến ngày 8/5/2017, T mang gói ma túy mua được của V, S đi tìm chỗ sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Nam Sách kiểm tra, phát hiện. V, S sau khi giao ma túy cho T xong đi về và tiếp tục sử dụng hết 02 gói ma túy còn lại, số tiền bán ma túy cho T, V chia cho S 200.000đ, cả hai đã tiêu sài và chơi điện tử hết.

Tại Kết luận giám định số 669/PC54 ngày 09/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định có thành phần Methamphetamine, trọng lượng là 0,07628 gam, hàm lượng là 41,44%. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT: 67, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Về vật chứng: Số ma túy có thành phần Methamphetamine đã sử dụng giám định hết còn lại vỏ bao bì hoàn lại sau giám định được niêm phong trong bì thư theo số niêm phong 669/PC54; 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Huawei, bên trong có sim số 01667851144 hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách đang quản lý chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 44/VKS-HS ngày 31/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố Nguyễn Đức V, Đặng Ngọc S về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố về tội: Mua bán trái phép chất ma túy là đúng, đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 194; Điều 20, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS: Tuyên

bố: Nguyễn Đức V, Đặng Ngọc S phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt: Nguyễn Đức V từ 27 đến 30 tháng tù, Đặng Ngọc S từ 24 đến 27 tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giam. Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu huỷ toàn bộ vỏ bao bì hoàn lại sau giám định trong bì thư đã niêm phong. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, bên trong có sim số 01667851144. Truy thu V 300.000đồng, S 200.000đồng sung quỹ nhà nước. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326 buộc bị cáo V, bị cáo S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của các bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, với tang vật chứng đã thu giữ được, phù hợp với kết quả giám định và lời khai của người làm chứng, có đủ sơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 06/5/2017, tại khu vực cổng Công ty may P, thuộc khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Đức V và Đặng Ngọc S, có hành vi bán trái phép cho Đặng Văn T 01 gói ma túy có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 0,0762 gam, hàm lượng là 41,44 % = 0,03157 gam, với giá 500.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Đức V, Đặng Ngọc S có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy có thành phần là Methamphetamine là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 BLHS. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố các bị cáo là chính xác.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự tại địa phương do đó cần được xử lý nghiêm.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, vụ án có hai bị cáo phạm tội, nên cần đánh giá vai trò, vị trí, tính chất mức độ hành vi và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp

Đối với bị cáo Nguyễn Đức V là người đề xuất, lôi kéo Đặng Ngọc S thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp giao dịch, bán ma túy cho Đặng Văn T nên giữ vai trò chính.

Đối với Đặng Ngọc S giữ vai trò là người thực hành, sau khi được V đề xuất việc đi bán ma túy đã đồng ý, cùng với V trực tiếp bán ma túy cho T. Do đó giữ vai trò sau bị cáo V.

Tuy nhiên HĐXX thấy rằng sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án tiền sự nên áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự có quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Số ma túy có thành phần Methamphetamine đã sử dụng giám định hết, còn lại vỏ bao bì được hoàn lại cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động phía sau có ghi chữ HUAWEL, có số IMEL1: 86915302010269, IMEL2: 869153022602707, bên trong có sim số 01667851144 thu giữ của Nguyễn Đức V là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 500.000đồng các bị cáo bán ma túy mà có đã tiêu sài hết (trong đó V được hưởng 300.000đồng, S được hưởng 200.000đồng) cần truy thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Dream, BKS 99H1-01290 là xe ông Nguyễn Đức T (Bố đẻ bị cáo V) mua của một người không biết tên, tuổi địa chỉ, theo kết quả tra cứu thì chiếc xe nêu trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy tang vật. Ông T không biết V sử dụng xe vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách đã trả lại cho ông T là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy V, S khai đã cầm cố cho L để mua ma túy, Cơ quan điều tra không thu giữ được tang vật nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Đặng Văn T là đối tượng nghiện ma túy có hành vi mua ma túy về sử dụng do chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Nam Sách ra quyết định xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với đối tượng tên Phạm Văn L là người bán ma túy cho V, S hiện đang vắng mặt tại địa phương, không biết ở đâu nên chưa làm việc được người này nên chưa có căn cứ để xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 BLTTHS và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức V, Đặng Ngọc S phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy"

Áp dụng: khoản 1 Điều 194, Điều 20, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Đức V, Đặng Ngọc S;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức V **28** (*Hai mươi tám*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 10/5/2017.

Bị cáo Đặng Ngọc S **26** (*Hai mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 10/5/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của Nguyễn Đức V 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, Đặng Ngọc S 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng sung quỹ nhà nước.

Tịch thu cho tiêu hủy vỏ bao bì hoàn lại sau giám định được niêm phong trong bì thư theo số niêm phong 669/PC54.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động phía sau có ghi chữ HUAWEL, có số IMEL1: 86915302010269, IMEL2: 869153022602707, có sim số

01667851144 (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nam Sách và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ngày 09/6/2017).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan thi hành án ra Quyết định thi hành án chủ động mà người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo Nguyễn Đức V, Đặng Ngọc S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Công an huyện Nam Sách;
- Chi cục thi hành án huyện Nam Sách;
- Sở tư pháp;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu Toà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy